

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Chính Quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Lương Thế Vinh (ĐHLTV)
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DTV
- Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
Số 9, Đường Cầu Đông, Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 18001092
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://ltvu.edu.vn>; <https://ultv.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 18001092; 03.5982.5982; 03.8259.8259; 0912.849.967; 0912.093.667
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh**
<https://ltvu.edu.vn>;
<https://www.facebook.com/TruongDHLuongTheVinh>;
<https://ultv.edu.vn/dang-ky/>;
Zalo: 03.8259.8259; 03.5982.5982; <https://zalo.me/3668349344575065787>
Email: ultv.edu.vn@gmail.com
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo** (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)
<https://ltvu.edu.vn>;
<https://www.facebook.com/TruongDHLuongTheVinh>;
<https://ultv.edu.vn/dang-ky/>;
Zalo: 03.5982.5982; <https://zalo.me/3668349344575065787>
Email: ultv.edu.vn@gmail.com

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1 Đối tượng dự tuyển

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

c) Người đã tốt nghiệp THPT và đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên.

1.2. Điều kiện dự tuyển

✓

- Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế đạt 15,00 theo thang điểm 30 trở lên.

2.3. Phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (xét tuyển dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT) với các Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026

a) Đối với chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền (Thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo diện thí sinh tự do để lấy kết quả xét tuyển) phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt 20,00 điểm trở lên;

- Điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt 20,00 điểm trở lên.

b) Đối với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng (Thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo diện thí sinh tự do để lấy kết quả xét tuyển) phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại Khá trở lên và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt 16,50 điểm trở lên;

- Điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt 16,50 điểm trở lên.

c) Đối với chương trình đào tạo các ngành khác: Tổ hợp xét tuyển bắt buộc phải có môn Toán hoặc môn Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu là 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

- Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học đạt 15,00 theo thang điểm 30 trở lên;

- Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 02 môn học (trong đó bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn) và dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), Trường ĐHLTV thực hiện quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ đạt 15,00 theo thang điểm 30 trở lên;

- Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế đạt 15,00 theo thang điểm 30 trở lên.

2.4. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên dự tuyển trình độ đại học

a) Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành sức khỏe dự tuyển vào chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

W

- Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

b) Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành sức khỏe dự tuyển vào đại học chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

c) Đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo các ngành khác được áp dụng như sau: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên dự tuyển có điểm trung bình trung toàn khóa đạt từ 5,05 theo thang điểm 10 hoặc đạt từ 2,02 theo thang điểm 4 trở lên được quy đổi sang thang điểm 30 đạt 15,05 trở lên.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào

- Đối với Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 đăng ký xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đối với Thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2026 đăng ký xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT thực hiện theo công thức:

Điểm xét tuyển = Điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển không nhân hệ số.

- Đối với Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên đăng ký xét tuyển theo phương thức xét theo kết quả học tập trình độ trung cấp trở lên được Quy đổi sang thang điểm 30 theo công thức sau:

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{điểm trung bình chung toàn khóa}] * 3$$

3.2. Độ lệch điểm của điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, giữa các tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển: 0 (không).

3.3. Điểm trúng tuyển của một chương trình đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có) của Thí sinh dự xét tuyển. Trường Đại học Lương Thế Vinh sẽ công bố công khai ngưỡng điểm trúng tuyển của từng ngành theo Quy định trên trang <http://ltvu.edu.vn> và <http://ultv.edu.vn> theo kế hoạch tuyển sinh năm 2026.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	DTVB26.01	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	160	* Các phương thức 100, 200: - Tất cả các tổ hợp của Khối A; - Tất cả các tổ hợp của Khối B; - Tất cả các tổ hợp của Khối C trong đó có môn Toán; - Tất cả các tổ hợp của Khối D trong đó hoặc có môn Toán hoặc có môn Ngữ văn. * Phương thức 500: Điểm TBCKT trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học.	
2	DTVA26.01	Kế toán	7340301	Kế toán	139	* Các phương thức 100, 200: - Tất cả các tổ hợp của Khối A; - Tất cả các tổ hợp của Khối B; - Tất cả các tổ hợp của Khối C trong đó có môn Toán; - Tất cả các tổ hợp của Khối D trong đó hoặc có môn Toán hoặc có môn Ngữ văn. * Phương thức 500: Điểm TBCKT trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học.	
3	DTVF26.01	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	40	* Các phương thức 100, 200: - Tất cả các tổ hợp của Khối A; - Tất cả các tổ hợp của Khối B; - Tất cả các tổ hợp của Khối C trong đó có môn Toán; - Tất cả các tổ hợp của Khối D trong đó hoặc có môn Toán hoặc có môn Ngữ văn. * Phương thức 500: Điểm TBCKT trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học.	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
4	DTV-7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	107	<p>* Phương thức 100, 200:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các tổ hợp của Khối A; - Tất cả các tổ hợp của Khối B; - Tất cả các tổ hợp của Khối C trong đó có môn Toán; - Tất cả các tổ hợp của Khối D trong đó có môn Toán hoặc môn Ngữ văn; - Tất cả các tổ hợp có môn Tin học và có một trong 2 môn Toán hoặc Ngữ văn. <p>* Phương thức 500: Điểm TBCKT trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học</p>	
5	DTVV26.01	Thú y	7640101	Thú y	245	<p>* Các phương thức 100, 200:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các tổ hợp của Khối A; - Tất cả các tổ hợp của Khối B; - Tất cả các tổ hợp của Khối C trong đó có môn Toán; - Tất cả các tổ hợp của Khối D trong đó hoặc có môn Toán hoặc có môn Ngữ văn. <p>* Phương thức 500: Điểm TBCKT trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học.</p>	
6	DTVC26.01	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	122	<p>* Các phương thức 100, 200:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các tổ hợp của Khối A; - Tất cả các tổ hợp của Khối B; - Tất cả các tổ hợp của Khối C trong đó có môn Toán; - Tất cả các tổ hợp của Khối D trong đó hoặc có môn Toán hoặc có môn Ngữ văn. <p>* Phương thức 500: Điểm TBCKT trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học.</p>	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						- Khối D bao gồm D01, D07, D08, D09, D10. * Phương thức 500: Điểm TBCTK trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học và kết quả học tập cả năm lớp 12.	
11	DTVR26.01	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	190	* Phương thức 100, 200: - Tất cả các tổ hợp của Khối A; - Tất cả các tổ hợp của Khối B; - Khối D bao gồm D01, D07, D08, D09, D10. * Phương thức 500: Điểm TBCTK trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học và kết quả học tập cả năm lớp 12.	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

a) Xét theo tiêu chí môn chính

Nếu trong cùng một mức điểm xét tuyển các Thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, Thí sinh nào có điểm môn chính cao hơn sẽ đứng trước, trong đó:

- Khối A: Môn chính Toán
- Khối B: Môn chính Sinh học
- Khối C: Môn chính Văn
- Khối D: Môn chính Tiếng Anh

- Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh: Các chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành sẽ được quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ đạt ngưỡng đầu vào theo Quy định;

b) Điểm chênh lệch xét tuyển giữa các tổ hợp: Không.

5.2. Điểm cộng

a) Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30).

b) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (Cơ sở đào tạo tuyển sinh theo nhóm ngành): Không

5.4. Các thông tin khác: Không

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức

a) Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Nhiều đợt trong năm theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đến đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Cụ thể:

- Đợt 1: Theo Kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT;
- Đợt 2 trở đi: Thời gian nhận ĐKXT theo quy định chung;

Trường hợp xét tuyển sau đợt 1 vẫn còn chỉ tiêu, Nhà trường tổ chức xét tuyển các đợt tiếp theo theo quy định, hạn cuối cùng tháng 12/2025.

(*) Xử lý một số tình huống trong quá trình tuyển sinh:

- Trường hợp số thí sinh trúng tuyển vào ngành học có dưới 20 người, các thí sinh sẽ được phép đăng ký chuyển sang ngành khác có cùng tổ hợp và cùng phương thức tuyển sinh.
- Trong trường hợp không tuyển sinh hết chỉ tiêu dành cho phương thức xét tuyển trước, chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển xuống các phương thức ưu tiên tiếp theo và các đợt xét tuyển bổ sung.

b) Hình thức:

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh thực hiện ĐKXT bằng một trong các hình thức sau:

7.4

[1] Đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Cổng dịch vụ công Quốc gia;

[2] Thí sinh có thể chọn các hình thức khác như:

+ Chuyển phát nhanh Phiếu ĐKXT và ưu tiên (theo mẫu) qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh Nhà trường;

+ Đăng ký trực tuyến trên Website Nhà trường: Truy cập vào Website <https://ultv.edu.vn/dang-ky/> để thực hiện đăng ký xét tuyển.

Nếu đăng ký trực tuyến, tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Đăng ký xét tuyển <https://ultv.edu.vn/dang-ky/>

Bước 2: Chụp ảnh học bạ THPT, giấy khai sinh, số báo danh hoặc điểm thi THPT, giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (nếu có), sau đó thí sinh gửi chuyển phát nhanh hoặc gửi Zalo, Email, Fanpage hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh.

Email: ultv.edu.vn@gmail.com

Fanpage: <https://www.facebook.com/TruongDHLuongTheVinh>

Zalo: 03.8259.8259; 03.5982.5982.

Địa chỉ: **Trường Đại học Lương Thế Vinh**: Số 9, Đường Cầu Đông, Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

6.2. Các điều kiện xét tuyển, thi tuyển

a) Xét tuyển thẳng

Thực hiện theo Quy định tại Điều 8 của Quy chế “Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu thí sinh là người nước ngoài thì phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) các điều kiện khác

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên

Thực hiện theo Quy định tại Điều 7 của Quy chế “Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

7.2. Quyền lợi được hưởng đối với sinh viên học chính quy tại trường

- Được tư vấn tham gia chương trình hợp tác giữa ĐHLTV với Trường ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TỬ BÌNH ĐÀI LOAN và các hợp tác với các trường nước ngoài khác.

- Khuyến khích sinh viên chính Quy học song bằng chính - phụ. Trong đó nếu chọn ngôn ngữ Anh là bằng phụ sẽ được giảm 50% học phí khi học Ngôn ngữ Anh toàn khóa học.

- Được xét cấp học bổng khuyến khích học tập từ học kỳ II năm thứ nhất trở đi cho những sinh viên có học lực từ giỏi trở lên.



- Được giới thiệu việc làm bán thời gian (Part – time job) trong quá trình học tại trường.
- Sinh viên sau khi tốt nghiệp, sẽ được nhà trường giới thiệu việc làm với mức lương tương xứng với trình độ chuyên môn đạt được. hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng liên kết đào tạo giữa nhà trường với đối tác nước ngoài.

Ghi chú: Trường Đại học Lương Thế Vinh chỉ tổ chức lớp học khi có từ 20 sinh viên trở lên cho một ngành học.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Trường Đại học Lương Thế Vinh cam kết đối với thí sinh: **thực hiện đầy đủ các nội dung đã nêu trong Thông tin tuyển sinh năm 2026; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.**

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

a) Học phí đối với sinh viên học chương trình đào tạo chính quy đại trà (Nhập học năm 2026 - khóa 23)

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tiền học phí (VNĐ/tín chỉ)	Số Tín chỉ toàn khóa
1	Quản trị kinh doanh (Cử nhân)	7340101	400.000	122
2	Kế toán (Cử nhân)	7340301	400.000	122
3	Tài chính - Ngân hàng (Cử nhân)	7340201	400.000	122
4	Công nghệ thông tin (Kỹ sư)	7480201	450.000	152
	Công nghệ thông tin (Cử nhân)	7480201	450.000	122
5	Thú y (Bác sĩ)	7640101	450.000	152
6	Kỹ thuật xây dựng (Kỹ sư)	7580201	450.000	152
7	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Kỹ sư)	7580205	450.000	152
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Cử nhân- Kỹ sư)	7510301	450.000	154
9	Ngôn ngữ Anh (Cử nhân)	7220201	450.000	122
10	Y học cổ truyền (Bác sĩ)	7720115	1.200.000	211
11	Kỹ thuật phục hồi chức năng (Cử nhân)	7720603	1.000.000	129

* Số tín chỉ trên chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng An ninh.

b) Học phí đối với sinh viên học chương trình đào tạo thường xuyên (Nhập học năm 2026 - khóa 20)

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tiền học phí (VNĐ/tín chỉ)	Số Tín chỉ toàn khóa
1	Quản trị kinh doanh (Cử nhân)	7340101	420.000	122
2	Kế toán (Cử nhân)	7340301	420.000	122
3	Tài chính - Ngân hàng (Cử nhân)	7340201	420.000	122

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tiền học phí (VNĐ/tín chỉ)	Số Tín chỉ toàn khóa
4	Công nghệ thông tin (Kỹ sư)	7480201	470.000	152
	Công nghệ thông tin (Cử nhân)	7480201	470.000	122
5	Thú y (Bác sĩ thú y)	7640101	470.000	152
6	Kỹ thuật xây dựng (Kỹ sư)	7580201	470.000	152
7	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Kỹ sư)	7580205	470.000	152
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Cử nhân - Kỹ sư)	7510301	470.000	152
9	Ngôn ngữ Anh (Cử nhân)	7220201	470.000	122

* Số tín chỉ trên chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng An ninh.

* Được xét công nhận một số tín chỉ đã được đào tạo ở trình độ đã tốt nghiệp tương ứng theo Quy định.

c) Hồ sơ ĐKXT theo kết quả học tập đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp trở lên

- Bản sao CCCD;
- Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường ĐHLTV);
- Bản sao có công chứng: Bằng tốt nghiệp THPT, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ;
- Bản sao có công chứng: Học bạ THPT, Bảng điểm toàn khóa học Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ;

- Bản sao có công chứng các giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

d) Địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển.

Nộp trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện về Trường Đại học Lương Thế Vinh, Số 9, Đường Cầu Đông, Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Thông tin trực tiếp hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển đại học năm 2026 thí sinh truy cập địa chỉ website của trường: <http://www.ltvu.edu.vn>; fanpage: <http://www.facebook.com/DHLuongTheVinh>.

Tr

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	DTV-7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	100	160	29		130	8	15/30	
					200						5,01/10	
					500							
2	DTV-7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100	139	24		124	9	15/30	
					200						5,01/10	
					500							
3	DTV-7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	40	11		125	5	15/30	
					200						5,01/10	
					500							
4	DTV-7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	107	26		251	8	15/30	
					200						5,01/10	
					500							
5	DTV-	Thú y	7640101	Thú y	100	245	39		225	21	15/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
	7640101				200							
					500						5,01/10	
6	DTV-7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	122	20		225	10	15/30	
					200							
					500						5,01/10	
7	DTV-7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	100	70	4		143	4	15/30	
					200							
					500						5,01/10	
8	DTV-7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	150	27		133	5	15/30	
					200							
					500						5,01/10	
9	DTV-7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	330	79		300	3	15/30	
					200							
					500						5,01/10	
10	DTV-	Y học cổ	7720115	Y học cổ	100	470	106		470	52	19/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển truyền	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành truyền	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
	7720115				200							
					500							
11	DTV-7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng		Kỹ thuật phục hồi chức năng	100	190	40		0	0	17/30	
					200							
					500							

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Trần Bình Thành

0912 093 667

thanhtbit1966@gmail.com

tranbinhthanh@ltvu.edu.vn

Ninh Bình, ngày 04 tháng 03 năm 2026 ^{7/26}

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG



***TS. Nguyễn Gia Tín**

